TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2023/QĐST-HNGĐ	*Phú Lộc, ngày 26 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ liên lạc: Tổ X, K S, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Trần K, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ liên lạc: Tổ X, K S, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần K thỏa thuận giao con chung của vợ chồng là Trần Nguyễn K N, sinh ngày 19/4//2011 cho chị Nguyễn Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/ tháng, kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho dến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Trần K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T thuận chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ. Tổng cộng chị T phải chịu 300.000đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004194, ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L;
(Đăng ký kết hôn ngày 08/10/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Thảo